TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 255/2024/HC-PT
Ngày 09 tháng 4 năm 2024
V/v *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Ông Dương Anh Văn

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiển - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 918/2023/TLPT-HC ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại".*

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 784/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1945;

Địa chỉ: Số A đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: A Cư xá L, Phường G, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt và có văn bản xin vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Võ Văn T1, Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: Trung tâm hành chính tỉnh B, đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B*:* Ông Mai Hùng D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B (vắng mặt và có văn bản đề nghị vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;

2.3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Địa chỉ: Số A đường Q, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T *và* Ủy ban nhân dân thành phố T*, tỉnh Bình Dương:* Ông Võ Chí T2, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Ngọc Ẩ, sinh năm 1951 (vắng mặt);

3.2. Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

3.3. Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1975 (vắng mặt);

3.4. Bà Huỳnh Thị L2, sinh năm 1978 (vắng mặt);

3.5. Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3.6. Ông Huỳnh Tấn V1, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.7. Ông Huỳnh Tấn H, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số A đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Huỳnh Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/01/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 24/4/2023 và bản tự khai ngày 22/7/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn L *trình bày:*

Ông Huỳnh Văn L được cấp quyền sử dụng đất diện tích 413,4m^2 thuộc thửa 1996, tờ bản đồ 06-6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03417 ngày 14/9/2011 và quyền sử dụng đất diện tích 1.206,3m^2 thuộc thửa 1998, tờ bản đồ 06-6 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03419 ngày 12/9/2011; diện tích đất kèm theo sơ đồ cấp đất thể hiện thửa đất số 1996 và thửa 1998 giáp đường H. Hộ ông Huỳnh Văn L gồm có bà Nguyễn Ngọc Ẩ, ông Huỳnh Văn L1, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị L2, ông Huỳnh Tấn V, ông Huỳnh Tấn V1, ông Huỳnh Tấn H, bà Nguyễn Kim T3 và ông Nguyễn Cường T4 đều thống nhất việc khởi kiện của ông L.

Năm 2020, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố T tiến hành thu hồi lập biên bản đo đạc kiểm đếm và thu hồi đất, bồi thường đất và tài sản trên đất để làm vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H. Theo kết quả đo đạc, thực tế đất ông L đang quản lý mà UBND thành phố lấy làm dự án diện tích là 83,2m^2 thuộc thửa

1998 và 41,6m^2 thuộc thửa 1996, giá thị trường đối với đất mặt tiền đường Huỳnh Văn L3 là 55.000.000 đồng/m^2. Tuy nhiên, tại Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, Ủy ban nhân dân thành phố T chỉ thu hồi của ông L diện tích đất 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996. Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư chỉ bồi thường cho ông L 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 với giá 23.780.000 đồng/m^2 là không đúng thực tế về diện tích và giá đất, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông L; do đó, ông L khiếu nai.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T đã bác đơn khiếu nại của ông L. Không đồng ý với Quyết định số 987/QĐ-UBND, ông L tiếp tục khiếu nại.

Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ hai số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B tiếp tục bác đơn khiếu nại của ông L và giữ nguyên nội dung Quyết định 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022.

Nay, ông L khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B;

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T;

- Hủy Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất diện tích 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 của ông Huỳnh Văn L;

- Hủy Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư cho cá nhân người bị thu hồi đất.

Đồng thời, buộc UBND thành phố T thực hiện đúng việc thu hồi đất của ông L diện tích 83,2m^2 thuộc thửa 1998 và 41,6m^2 thuộc thửa 1996 và bồi thường giá đất đúng thực tế là 55.000.000 đồng/m^2.

Theo Văn bản trình bày ý kiến số 2224/UBND-VP ngày 10/7/2023, đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố T *và* UBND thành phố T *trình bày như sau:*

1. Về Quyết định thu hồi đất số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND, Quyết định phê duyệt Phương án, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư số 3623/QĐ- UBND ngày 22/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T:

Ngày 17/5/2001, UBND tỉnh B bàn hành Quyết định số 1629/QĐ-CT về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình: Nâng cấp mở rộng đường Đ (nay là đường H) từ Km 5+000 (vị trí từ đường T) đến K+258)... có nội dung: "Phương án giải phóng mặt bằng bảo đảm đủ mặt bằng xây dựng công trình tính từ tim đường thiết kế giải tỏa mỗi bên 9m, không tính chi phí đền bù về đất" và "Thiết kế sơ bộ phần đường: Nền đường 10m (trong đó mặt đường rộng 7m; lễ đường rộng 1,5m x 2 bên".

UBND tỉnh B đã ban hành Thông báo số 165/TB.UB ngày 16/7/2001, về việc giải phóng mặt bằng để thi công công trình và Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 về việc đền bù thiệt hại về đất và tài sản trên đất..... có nội dung: "Các đoạn đường bám theo tuyến cũ có phạm vi giải tỏa để mở rộng đường nằm trong HLBVĐB, không tính đền bù đất".

Căn cứ Quyết định số 183/2003/QĐ-UBND ngày 17/7/2003 của UBND tỉnh thì HLBVĐB của dự án năm 2004 được xác định là 21m tính từ tim đường trở ra 02 bên, do chiều dài tuyến được phê duyệt có khoảng cách nằm trong tuyến đường ĐT 742 đoạn từ Km 3 + 500 (hết nội ô thị xã T) đến giáp ĐT 747 gần ngã ba C.

Khoản 6 Điều 1 Quyết định số 5241/QĐ-CT ngày 12/7/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định phương án giải tỏa di dời: "Giải tỏa từ tim đường ra mỗi bên 15m, phạm vi giải tỏa nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nên không tính chi phí bồi thường về đất" và tại điểm c khoản 8 Điều 1 Quyết định số 5241/QĐ-CT ngày 12/7/2004 của UBND tỉnh thể hiện bề rộng nền đường Huỳnh Văn L3 là 24.0m (bề rộng mặt đường là 15m, bề rộng lề đường 2x4,5m).

Thực tế việc bồi thường đã kết thúc hoàn tất hồ sơ vào năm 2004, không bồi thường về đất trong phạm vi giải tỏa 15m tính từ tim đường, do được xác định là đất HLBVĐB. Thời điểm này, phần lề đường chưa được thi công (trong đó có trường hợp của ông Huỳnh Văn L) nhưng phần lề đường 4m được trải sỏi đỏ, lu lèn; quá trình sử dụng từ năm 2004 đến nay một số hộ dân có hành vi lấn chiếm sử dụng trong phạm vi đất lề đường.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03417 ngày 14/9/2011 và CH03419 ngày 12/9/2011 cấp cho ông Huỳnh Văn L thể hiện phần đường Huỳnh Văn L3 đã thi công và chỉ giới đường đỏ tính từ tim đường không được công nhận trong giấy chứng nhận.

Thực hiện dự án Vỉa hè đường Huỳnh Văn L3, ngày 18/02/2020, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T đã lập Biên bản đo đạc, kiểm đếm số 44T/BBĐĐKĐ và 47T/BBĐĐKĐ đối với 02 thửa đất và tài sản trên đất của ông Huỳnh Văn L.

Sau đó, UBND thành phố T ban hành các quyết định thu hồi đất và bồi thường tài sản trên đất của ông Huỳnh Văn L bằng các Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, thu hồi đất diện tích 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 của ông Huỳnh Văn L; và Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 bồi thường diện tích 15,1m^2 và 6,8m^2 với giá 23.780.000đồng/m^2.

UBND thành phố T xác định diện tích 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 của ông L bị thu hồi thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông L ngày 12/9/2011 và ngày 14/9/2011; diện tích đất còn lại thuộc hành lang, vỉa hè mà UBND tỉnh đã xác định tại các văn bản đã viện dẫn trên và nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L năm 2011.

2. Về giá bồi thường: Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh về trình tự, thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Bình Dương: **"**Giá đất để tính bồi thường là giá đất cụ thể theo mục đích đang sử dụng của loại

đất bị thu hồi, được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với từng dự án...”; Công văn số 3634/UBND-KTN ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh về việc xử lý vấn đề liên quan đến bồi thường đất HLBVĐB cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Vỉa hè, việc UBND thành phố T bồi thường về đất cho ông Huỳnh Văn L theo đơn giá 23.780.000 đồng/m^2 là đúng quy định pháp luật.

3. Chủ tịch UBND thành phố T xác định việc thu hồi đất và bồi thường đất cho ông Huỳnh Văn L là đúng quy định của pháp luật nên đã ban hành Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 về việc bác đơn khiếu nại của ông L.

Theo Văn bản trình bày ý kiến ngày 04/7/2023, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh B *trình bày như sau:*

Ông Huỳnh Văn L trình bày Quyết định thu hồi đất số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020, UBND thành phố T chỉ thu hồi diện tích 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 của ông L là chưa đảm bảo quyền lợi của ông L; vì diện tích đất thực tế bị giải tỏa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO3417 là 41,6m và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO3419 là 83,2m^2.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại (lần hai) bác yêu cầu của ông L, vì:

Dự án đầu tư Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 742 đoạn qua thành phố T (nay là đường H), giai đoạn thực hiện năm 2001 – 2004:

Quyết định số 1629/QĐ-CT ngày 17/5/2001, Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001, Quyết định số 5141/QĐ-CT ngày 12/7/2004, Quyết định số 7323/QĐ-CT ngày 30/9/2004 và Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 của Chủ tịch UBND tỉnh quy định về dự án mở rộng đường, hành lang đường bộ tính từ tim đường, giải tỏa bồi thường đất (đối với đường Đ, nay là Huỳnh Văn L3). Thực hiện dự án từ năm 2004, chủ đầu tư đã thực hiện giải tỏa đất tính từ tim đường ra 15m, phạm vi đường hiện hữu là từ tim đường ra mỗi bên 12m, bao gồm mặt đường 8m x 2 bên (16m) và lề đường 4m. Phần diện tích lề đường được thi công với kết cấu là trải sỏi đá, lu lèn nên trong quá trình sử dụng đất từ năm 2004 đến nay, ranh giới phần lề đường và đất liền kề của các hộ dẫn chưa rõ ràng, nhiều hộ dân tiếp tục sử dụng để buôn bán hoặc xây dựng công trình tạm trên phần đất lề đường.

Ngày 30/10/2019, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3191/QĐ-UBND về việc phê duyệt Dự án Vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H.

Ngày 23/9/2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2824/QĐ-UBND về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Vỉa hè.

Tháng 12/2020, UBND thành phố T ban hành các Quyết định thu hồi đất của các hộ dân để thực hiện Dự án Vỉa hè.

Ngày 20/8/2021, Sở T5 có Công văn số 3061/STC-QLGS với nội dung thống nhất theo kiến nghị của UBND thành phố T tại Báo cáo số 264/BC-UBND nêu

trên, đồng thời kiến nghị UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố T thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Ngày 30/8/2021, UBND tỉnh có Công văn số 4286/UBND-KT thống nhất ý kiến của Sở T5 và giao UBND thành phố T thực hiện theo nội dung Công văn số 3061/STC-QLGS của Sở T5.

Đối với đất của ông Huỳnh Văn L được cấp quyền sử dụng đất diện tích 413,4m^2 thuộc thửa 1996, tờ bản đồ 06-6; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03417 ngày 14/9/2011 và quyền sử dụng đất diện tích 1.206,3m^2 thuộc thửa 1998, tờ bản đồ 06-6; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHO 3419 ngày 12/9/2011. Sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện chỉ giới đường đỏ tính từ tim đường là 15m (đường H ghi 16m, vỉa hè 04m). Theo Sơ đồ thu hồi đất do Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T xác lập, phần diện tích 15,1m^2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m^2 đối với thửa đất số 1996 nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn đường bộ tính từ tim đường Huỳnh Văn L3 vào 15m và được bồi thường theo giá đất nông nghiệp: 15,1m^2 x 23.780.000đồng/m^2 = 359.078.000đồng và 6,8m^2 x 23.780.000đồng/m^2 = 161.704.000 đồng.

Quyết định thu hồi hồi đất, bồi thường đất của UBND thành phố và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng pháp luật. Do đó, Chủ tích UBND tỉnh B đã bác khiếu nại của ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Ấ, ông Huỳnh Văn L1, ông Huỳnh Văn P, bà Huỳnh Thị L2, ông Huỳnh Tấn V, ông Huỳnh Tấn V1, ông Huỳnh Tấn H, bà Nguyễn Kim T3, ông Nguyễn Cường T4 yêu cầu xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày tại các bản tự khai ngày 03/8/2023: Thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông Huỳnh Văn L và đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Văn L tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đợt 1) đối với phần liên quan đến ông Huỳnh Văn L và yêu cầu nâng giá bồi thường đất với đơn giá 55.000.000 đồng/m^2;

- Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn L (lần đầu);

- Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn L (lần hai) đối với Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/9/2023, người khởi kiện ông Huỳnh Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện ông Huỳnh Văn L có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Võ Văn T1 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, vì:

+ UBND thành phố Thủ Dầu Một thu hồi đất để làm đường nhưng không bồi thường cho ông L là trái với quy định của Luật đất đai.

+ Biên bản đo đạc kiểm đếm của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T và UBND phường P không đảm bảo tính pháp lý, vi phạm trình tự thủ tục.

+ UBND thành phố T ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ tái định cư bằng 1 danh sách chung cho hơn 200 hộ dân là không đúng quy định của Luật đất đai.

+ Đường H hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2004 nhưng đến năm 2020 UBND thành phố Thủ Dầu Một mới ban hành quyết định thu hồi đất là thực hiện quy trình ngược trái với luật đất đai.

+ Việc áp giá bồi thường 23.780.000 đồng là quá thấp, không phù hợp với giá thị trường tại thời điểm là 55.000.000 đồng/m^2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn L là người khởi kiện hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 22/9/2023, người khởi kiện có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt đã được Tòa triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt; Căn cứ Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung: Theo đơn khởi kiện và đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn L yêu cầu Toà án hủy các quyết định hành chính: Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B; Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương; Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của ông và Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngya2 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Các Quyết định hành chính và các Quyết định giải quyết khiếu nại về việc thu hồi đất, bồi thường đất (nêu trên) mà ông L yêu cầu hủy có liên quan đến việc thực hiện dự án mở rộng, nâng cấp và đầu tư vĩa hè, cây xanh, chiếu sáng... đường ĐT 742 (nay là đường H), thành phố T, tỉnh Bình Dương. Thực hiện dự án, Chủ tịch UBND tỉnh B đã ban hành các văn bản:

- Quyết định số 1629/QĐ-CT gày 17/5/2001 về phương án giải phóng mặt bằng, giải tỏa mỗi bên 9m tính từ tim đường, không tính chi phí đền bù;

- Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001 có nội dung "Giải tỏa từ tim đường ra mỗi bên 15m, phạm vị giải tỏa nằm trong HLBVĐB nên không tính chi phí bồi thường về đất" và "bề rộng nền đường Huỳnh Văn L3 là 24m, gồm bề rộng mặt đường là 15m, bề rộng lề đường 2 x 4,5m"; kết cấu lề đường trải sỏi đỏ, lu lèn.

Quyết định số 3191/QĐ-CT ngày 30/10/2019 về việc phê duyệt Dự án Vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H; theo đó xác định chiều rộng mặt đường hiện hữu: 14-15m, bề rộng vỉa hè: 5m x 2 bên.

- Quyết định số 7323/QĐ-CT ngày 30/9/2004 về việc bồi thường đất và tài sản trên đất thuộc Dự án, áp dụng đơn giá bồi thường về đất và tài sản trên đất theo Quyết định số 5184/QĐ-CT ngày 29/10/2001, theo đó không tính đền bù về đất trong phạm vi giải tỏa thuộc HLBVĐB.

Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 2824/QĐ UBND ngày 23/9/2020 về việc phê duyệt đơn giá đất để bồi thường thực hiện Dự án Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H;

Ủy ban nhân dân thành Phố T ban hành:

Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát đo đạc, kiểm đếm dự án Đầu tư, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H;

- Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Văn L;

Quyết định 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ, tái định cư;

Như vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thấy rằng người bị kiện đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự, thủ tục do pháp luật quy định như: Thông báo công khai đến các cá nhân, hộ gia đình có đất bị thu hồi, niêm yết các văn bản và tổ chức họp dân để lấy ý kiến và triển khai thực hiện, bảo đảm tính công khai, dân chủ trong quá trình thực hiện Dự án.

[2.2] Theo sơ đồ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03417 ngày 14/9/2011 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03419 ngày 12/9/2011 cấp cho ông L, thể hiện: phần hành lang đường bộ tính từ tim đường Huỳnh Văn L3 ra hai bên là 15m, không được cấp cho người sử dụng đất, Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện thừa nhận toàn bộ diện tích người khởi kiện yêu cầu bồi thường 83,2m^2 thuộc thửa 1998 và 41,6m^2 thuộc thửa 1996 nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CHO3417 ngày 14/9/2011 và CH03419 ngày 12/9/2011 cấp cho ông Huỳnh Văn L. Do đó, người bị kiện không bồi thường đất cho ông L đối với quyền sử dụng đất không thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về giá bồi thường tại Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T; đất nông nghiệp tính giá 23.780.000đồng/m^2.

Theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty Cổ phần T6 và tư vấn xây dựng thời điểm tháng 05/2020; đất tiếp giáp đường H, đất nông nghiệp giá 23.780.000đồng/m^2 và đất ở đô thị. 38.000.000đồng/m^2; Người khởi kiện bị thu hồi quyền sử dụng đất 15,1m2 đối với thửa đất số 1998 và 6,8m2 đối với thửa đất số 1996 thuộc hành lang đường bộ và được tính theo giá đất nông nghiệp (23.780.000đồng/m^2) là phù hợp. Vì giá bồi thường này cao hơn nhiều so với Bảng giá đất nông nghiệp do UBND tỉnh B ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và Quyết định số 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 quy định hệ số điều chỉnh giá đất. Do đó, yêu cầu hủy Quyết định về bồi thường giá đất của ông L là không có căn cứ.

[2.4] Các Quyết định thu hồi đất (số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ- UBND ngày 22/12/2020) và bồi thường về đất (số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020) của UBND thành phố T đã phân tích tại mục 2.1 và 22 là đúng pháp luật. Khi giải quyết khiếu nại của ông L đối với các quyết định trên, người bị kiện đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định; do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc hủy Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T và Quyết định giải quyết đơn khiếu nại (lần hai) số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B.

[3] Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, cần bác toàn bộ kháng cáo của ông Huỳnh Văn L; giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn L không được chấp nhận nên ông L phải chịu án phí phúc thẩm nhưng ông L là người cao tuổi nên được miễn.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Huỳnh Văn L và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 59/2023/HC-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Áp dụng các Điều 30, 32, 60, 115, 116, 157, 193, 194, 206, 348 và 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 62, khoản 2 Điều 66, Điều 114 và Điều 204 Luật đất đai năm 2013, Luật khiếu nại năm 2011;

Áp dụng khoản 1 Điều 12, Điều 32, 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn L đối với Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 3783/QĐ-UBND và 3786/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T, tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của ông Huỳnh Văn L tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Quyết định số 3623/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 của UBND thành phố T về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Đầu tư vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đợt 1) đối với phần liên quan đến ông Huỳnh Văn L và yêu cầu nâng giá bồi thường đất với đơn giá 55.000.000 đồng/m^2;

- Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn L (lần đầu);

- Quyết định số 3129/QĐ-UBND ngày 28/11/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Văn L (lần hai) đối với Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND thành phố T.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn L được miễn án phí.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án. PQH

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Thọ